

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 23-6-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Phương Thanh.

Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 09/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: thôn G, xã T1, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Đỗ Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị B tự nguyện kết hôn vào năm 2016, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T1, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, được khoảng thời gian ngắn thì thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, mỗi lần mâu thuẫn chị B thường đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng ít hôm anh T lên động viên thì

chị lại quay về. Thời gian cách đây khoảng hơn một năm, vợ chồng có chút mâu thuẫn nhỏ chị B lại bế con đi lên nhà ngoại ở, anh T đã cùng gia đình cũng như cô, dì, chú, bác lên nhà ngoại nói chuyện, động viên nhiều lần để vợ chồng quay về đoàn tụ, một mặt để vợ chồng hàn gắn tình cảm, mặt khác để các cháu được gần gũi, có sự quan tâm, chăm sóc tình cảm yêu thương của cả bố và mẹ. Nhưng sau lần gặp gỡ khuyên ngăn ấy, chị B một mực không nghe còn có hành vi cản trở anh T và gia đình không ai được lên nhà và thăm gặp con, thậm chí còn đe dọa nếu anh T và gia đình còn tiếp cận các cháu thì sẽ không để cho anh được yên và sẽ hại đến tính mạng các cháu. Bản thân anh làm bố nên anh thấy rất khổ tâm vì các cháu đang nhỏ nhưng anh không được tiếp cận để thăm hỏi, chăm sóc các cháu. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bản thân cuộc sống của mỗi người tự lo và không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2017 và Đỗ Anh T1, sinh ngày 06/12/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu đang ở với chị B, tuy anh và gia đình muốn đưa các cháu về nhà nội chăm sóc nhưng chị B đe dọa sẽ gây hại đến tính mạng các cháu, nên anh và người thân không dám tiếp cận các cháu nhờ xảy ra những điều mà chị B hăm dọa làm liều. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu không được thì đề nghị mỗi người nuôi một con, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia H, còn chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T1, cho phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của mỗi bên. Về cấp dưỡng anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con, bản thân anh cũng đang làm công ty, mức thu nhập bình thường, bản thân anh là con một nên có tài sản nhà đất, còn chị B thì cũng đi làm công ty nên anh và chị đều có thu nhập hàng tháng. Nay nguyện vọng của anh được nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, bảo đảm quyền lợi cho anh và cho các cháu, về cấp dưỡng anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Đỗ Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện H, vào năm 2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, lý do năm 2020 anh T đi làm nhưng không đưa lương cho chị để nuôi con, việc nuôi con là do mình chị nuôi, anh T cũng không có trách nhiệm cùng chăm sóc cho con. Nay anh T làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý để chị và anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày. Từ khi chị về nhà ngoại đến nay thì các cháu vẫn đang trên ngoại và do chị nuôi dưỡng một mình, vì anh T không quan tâm, ngó ngang gì đến con cái. Nay nguyện vọng của

chị là mong muốn tiếp tục nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ, chồng không có công nợ, tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Đỗ Thị B.

Về con chung: Công nhận anh Đỗ Văn T và chị Đỗ Thị B có hai con chung là cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2017 và cháu Đỗ Anh T1, sinh ngày 06/12/2019. Giao cháu Đỗ Gia H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Anh T1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh, chị được quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Hiện nay cháu Đỗ Gia H đang ở với gia đình chị B, nên chị B có nghĩa vụ giao lại cháu Đỗ Gia H cho anh T sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chị B không tự nguyện và có sự ngăn cản việc giao con thì anh T có quyền yêu cầu Thi hành án để thi hành việc giao con.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, chị Đỗ Thị B kháng cáo với nội dung: Đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Đỗ Thị B có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị B:

Tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị B đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, bởi vì từ khi chị về nhà ngoại đến nay thì các cháu vẫn đang trên ngoại và do chị nuôi dưỡng một mình, anh T không quan tâm, ngó ngang gì đến con cái.

Xét thấy: Anh Đỗ Văn T và chị Đỗ Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh T yêu cầu được ly hôn, chị B cũng nhất trí ly hôn. Xét ý kiến của hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2017 và cháu Đỗ Anh T1, sinh ngày 06/12/2019. Hiện nay cả hai cháu đều đã trên 36 tháng tuổi. Theo quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình, bố và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Theo đơn xin xác nhận lương ngày 08/02/2023 thì hiện nay anh T đang làm công nhân cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng TD tại xã S, huyện H1, với mức lương là 6.000.000 đồng/tháng, nên anh T đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho một con. Do cháu Đỗ Anh T1 nhỏ tuổi hơn, ở với mẹ là phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Đỗ Gia H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Anh T1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị được nuôi cả hai con là không có căn cứ, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của chị Đỗ Thị B không được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0005256 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến